

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huy

2. Ông Phạm Nhật Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Cao Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP PĐ (OCX).

Địa chỉ trụ sở: Số 41 và số 45 đường L, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT OCX.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc TTBL Thanh Hóa (Văn bản ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh Đ: Ông Nguyễn Trung C - Chức vụ: Chuyên viên (Văn bản ủy quyền số 06/2023/UQ-OCX-THN ngày 06/12/2023).

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

- Ông Sùng Văn C - Sinh năm 1969; Vắng mặt.

- Bà Lương Thị L - Sinh năm 1981; Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Khu phố P, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2023, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Trung C trình bày:

Ngân hàng TMCP PD (OCX) cho ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L vay vốn theo hợp các Hợp đồng tín dụng sau đây:

- Hợp đồng tín dụng số 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022.

Số tiền vay: 500.000.000 đồng.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh đồ điện, nước, kim khí, vật liệu xây dựng.

Thời hạn vay: 06 tháng (theo Khế ước nhận nợ số: 335.01/2023/KUNN-OCX-CN ngày 08/02/2023).

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày 08/02/2023. Hết thời hạn 03 tháng, từ tháng 04 trở đi, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/5/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCX ban hành từng thời kỳ + biên độ 4%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả x Số ngày chậm trả lãi x lãi suất chậm trả (%/năm) : 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCX xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020.

Số tiền vay: 495.000.000 đồng;

Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Thời hạn vay: 120 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày 24/7/2020. Hết thời hạn 03 tháng, từ tháng 04 trở đi lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/10/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCX ban hành từng thời kỳ + biên độ 4%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả x Số ngày chậm trả lãi x lãi suất chậm trả (%/năm) : 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do OCX xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 170; tờ bản đồ số: 60 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 931044, số vào sổ cấp GCN: H00864, do UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/6/2019 cho bà Lương Thị L. Chi tiết Hợp đồng thế chấp 199B/2020/BĐ-CN, Số Công chứng 6438, quyền số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/7/2020 tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh giữa ông Sùng Văn C, bà Lương Thị L và OCX; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 199B.01/2022/SĐBS-HĐBĐ, Số Công chứng 8577, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 19/7/2022 tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh giữa ông Sùng Văn C, bà Lương Thị L và OCX. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

2. Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 63b; tờ bản đồ số: 60 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 655096, số vào sổ cấp GCN: H00801, do UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 14/9/2018 cho bà Lương Thị L. Chi tiết hợp đồng thế chấp 199A/2020/BĐ-CN, Số Công chứng 6447, quyền số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/7/2020 tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh giữa ông Sùng Văn C, bà Lương Thị L và OCX. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ (10/8/2023), với mức lãi suất nợ quá hạn. Theo đơn khởi kiện, tạm tính đến hết ngày 06/12/2023, nợ các khoản vay nêu trên là: **435.602.484** đồng (**Bốn trăm ba lăm triệu sáu trăm linh hai nghìn bốn trăm tám tư đồng**); trong đó nợ gốc: **392.876.552** đồng; nợ lãi là: **42.725.932** đồng.

Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022.

Nợ gốc quá hạn: 192.876.552 đồng;

Lãi trong hạn: 5.840.426 đồng;

Lãi quá hạn: 27.592.026 đồng.

Tổng cộng: 226.309.004 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020.

Nợ gốc trong hạn: 200.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 7.331.507 đồng.

Lãi quá hạn: 1.961.973 đồng.

Tổng cộng: 209.293.480 đồng.

Nay ngân hàng OCX yêu cầu ông C, bà L phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử (28/8/2024), tổng số tiền: **484.287.177** đồng (**Bốn trăm tám tư triệu hai trăm tám bảy nghìn một trăm bảy bảy đồng**); trong đó nợ gốc là: **392.876.552** đồng; nợ lãi trong hạn là: **31.767.883** đồng, nợ lãi quá hạn là: **59.642.742** đồng.

Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022.

Nợ gốc quá hạn: 192.876.552 đồng;

Lãi trong hạn: 5.840.426 đồng;

Lãi quá hạn: 58.322.727 đồng.

Tổng cộng: 257.039.705 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020.

Nợ gốc trong hạn: 200.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 25.927.457 đồng.

Lãi quá hạn: 1.320.015 đồng.

Tổng cộng: 227.247.472 đồng.

Do bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng nên OCX yêu cầu:

a. Yêu cầu Tòa án buộc ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với OCX, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến hết ngày 28/8/2024 các khoản tiền này là:

Tổng cộng: 484.287.177 đồng (Bốn trăm tám tư triệu hai trăm tám bảy nghìn một trăm bảy bảy đồng).

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phí theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L thực tế thanh toán hết nợ cho OCX.

c. Trường hợp bị đơn ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, OCX có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho OCX.

d. Ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Kèm theo đơn khởi kiện, ngân hàng OCX còn gửi cho Tòa án các văn bản liên quan đến các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp; các văn bản liên quan đến việc yêu cầu trả nợ, quá trình trả nợ; các văn bản thể hiện tư cách đương sự và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; bản sao chứng thực căn cước công dân/chứng minh nhân dân của ông Lê Minh Đ, ông Nguyễn Trung C, ông Sùng Văn C, bà Lương Thị L.

* *Quá trình giải quyết vụ án*, bị đơn ông Sùng Văn C, bà Lương Thị L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bị đơn Sùng Văn C không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

**Tại bản tự khai ngày 07/02/2024*, bị đơn bà Lương Thị L chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có trách nhiệm sẽ trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng OCX.

* *Tại Biên bản hòa giải ngày 12/6/2024*, nguyên đơn OCX và bị đơn bà Lương Thị L thống nhất: Số tiền bị đơn phải trả cho OCX tính đến ngày 12/6/2024 là 470.098.176đ; trong đó: Nợ gốc trong hạn là: 200.000.000đ; Nợ gốc quá hạn là:

192.876.522đ; Nợ lãi trong hạn là 26.872.754đ; Nợ lãi quá hạn là: 50.348.870đ và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/6/2024 đến khi bà Loan, ông Chử hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho OCX. Ngoài ra các bên còn thống nhất bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Trên cơ sở yêu cầu của Tòa án, đoàn thẩm định đã căn cứ theo các Hợp đồng thế chấp số 199A/2020/BĐ-CN ngày 23/7/2020 và 199B/2020/BĐ-CN ngày 23/7/2020 tiến hành xem xét, thẩm định các tài sản thế chấp. Tuy nhiên, tại thời điểm thẩm định, bà Lương Thị L và ông Sùng Văn C mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng không có mặt tại địa phương, không thông báo, không cử người mở công trình xây dựng để đoàn thẩm định tiến hành làm việc. Do vậy, đoàn thẩm định không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được. Qua báo cáo của chính quyền địa phương, hộ gia đình giáp ranh, toàn bộ tài sản thế chấp **còn nguyên hiện trạng**, không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bị đơn Lương Thị L chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn **Lương Thị L** và Sùng Văn C vắng mặt không có lý do. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng nhưng bên vay không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp dân sự. Giao dịch dân sự được thực hiện tại nơi bị đơn cư trú là huyện Quan Sơn. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022; Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020 đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117; 292; 295; 317; 318 của Bộ Luật Dân sự và các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực.

[4] Về quá trình thực hiện Hợp đồng và trách nhiệm dân sự: Bên vay tài sản là ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng nên

phải có trách nhiệm trả nợ theo các điều khoản có trong Hợp đồng tín dụng 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022; Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020 là phù hợp với quy định tại các Điều 357; 465; 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét tính hợp pháp của số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, đã được phía bị đơn chấp nhận, HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc 392.876.552 đồng là tiền ông C, bà L vay, chưa trả nên OCX yêu cầu ông C, bà L trả cho nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Số tiền lãi trong hạn 5.840.426 đồng và lãi quá hạn 58.322.727 đồng chưa trả tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 28/8/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng tín dụng số 335/2022/HĐTD-CN ngày 19/7/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn 25.927.457 đồng và lãi quá hạn 1.320.015 đồng chưa trả tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 28/8/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng tín dụng số 199/2020/HĐTD-CN ngày 23/7/2020 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 28/8/2024 là **484.287.177** đồng; trong đó: Nợ gốc là **392.876.552** đồng; nợ lãi trong hạn là: **31.767.883** đồng, nợ lãi quá hạn là: **59.642.742** đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thoả thuận tại Hợp đồng thế chấp 199A/2020/BĐ-CN ngày 23/7/2020 và Hợp đồng thế chấp 199B/2020/BĐ-CN ngày 23/7/2020 phù hợp với thoả thuận ghi trong các hợp đồng cho vay nên chấp nhận. Theo đó, nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tổ chức kê biên, phát mại, xử lý các tài sản bảo đảm gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 170 và thửa đất số 63b; tờ bản đồ số: 60 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa để thu hồi nợ.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 117; 292; 295; 317; 318; 357; 465; 466 của Bộ Luật Dân sự.

- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PD. Cụ thể:

Buộc ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP PD, tổng số tiền: **484.287.177 đồng** (**Bốn trăm tám mươi triệu hai trăm tám bảy nghìn một trăm bảy bảy đồng**), trong đó:

Tổng nợ gốc: 392.876.552 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn: 31.767.883 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn: 59.642.742 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP PD có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 170, tờ bản đồ số 60 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện Quan Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 931044 ngày 21/6/2019 mang tên Lương Thị L và thửa đất số 63b, tờ bản đồ số 60 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000; tại địa chỉ: khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện Quan Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 655096 ngày 14/9/2018 mang tên Lương Thị L.

Về án phí: Ông Sùng Văn C và bà Lương Thị L phải chịu 23.371.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng - đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ

thẩm. Ngân hàng TMCP PD không phải chịu án phí nên được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.712.000 đồng (mười triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002465 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Quan Sơn (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Tùng